| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TP. BUÔN MA THUỘT**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số:77/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-07-2020
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Ông Phạm Văn Vĩ.

*Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Phan Đức Lý*

*2. Ông Hoàng Viết Oanh*

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:918/2020/HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T– sinh năm:1995(Có mặt)**
Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
**-Bị đơn: Ông Hoàng Cao C– sinh năm: 1996(Vắng mặt)**
Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Hoàng Cao C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 28/9/2016(có tổ chức lễ cưới sống chung, có con trước khi đăng ký kết hôn).

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng chửi bới mất an ninh làng xóm, ông C không lo làm ăn không quan tâm đến gia đình. Vào đầu năm 2018 tôi bỏ về nhà

mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau chúng tôi đã ký thuận tình ly hôn ra Tòa án nhưng vì con cái nên chúng tôi rút đơn về để suy nghĩ lại nhưng tiếp tục mâu thuẫn, từ khi ly thân vợ chồng tôi không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng tôi có con chung: Cháu Hoàng Thiên B- sinh ngày: 23/10/2014. Từ khi ly thân cháu ở với tôi đến nay nguyện vọng của tôi là được nuôi con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi chưa yêu cầu ông C phải cấp dưỡng vì ông C không có nghề nghiệp nên không có nguồn thu nhập.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2].Đối với bị đơn ông Hoàng Cao C:** Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông C không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Hoàng Cao C.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T và bị đơn ông Hoàng Cao C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Hoàng Cao C nhưng ông C không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Phạm Thị Ngọc T lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Hoàng Cao C cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông C và bà T có xảy ra mâu thuẫn, nên bà T dẫn con về nhà mẹ đẻ sinh sống, còn ông C có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn 2, xã Hòa Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Hoàng Cao C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày 28/9/2016 mới đi

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và B vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Bà T, ông C đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy bà Phạm Thị Ngọc T và ông Hoàng Cao C sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T và cho bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Hoàng Cao C.

-Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T và ông Hoàng Cao C có 01 con chung là cháu Hoàng Thiên B- sinh ngày: 23/10/2014. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Xét nguyện vọng của bà T là chính đáng vì từ khi ly thân cháu ở cùng bà T nên cần giao cháu Hoàng Thiên B- sinh ngày: 23/10/2014 cho bà Phạm Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Hoàng Cao C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thiên B- sinh ngày: 23/10/2014 cho bà Phạm Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Hoàng Cao C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0005247 ngày 13/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.Ông Hoàng Cao C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi

***Nơi nhận:***
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Hòa Xuân
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*( Đã ký)*

**Phạm Văn Vĩ**